

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày 10/01/2023

Về tranh chấp Chia di sản thừa kế.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Vũ Duy Luân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Thái –
Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp Chia di sản thừa kế”, do có kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXPT-DS ngày 19/12/2022 giữa các đương sự:

- *Các nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

- Ông Lê Văn Đ sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ L, xã N Tr, huyện T H, tỉnh Thái Bình,

- Ông Trương Văn M sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn H T, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

- Ông Vũ Thành Ch sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn V Ng, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

3. Ông Phạm Hải Nh, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình

4. Ông Phạm Xuân L2, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hải Nh, sinh năm 1955 và ông Phạm Văn Nhuận, sinh năm 1985; Đều có địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Xuân Th: Ông Lê Tiến D và ông Phạm Quốc B, là Luật sư của Công ty Luật số 1 Qu V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Số nhà 84, đường số 9, tổ 11, Phường Tr H Đ, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969 (là vợ ông Phạm Xuân Th)

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1946 (là vợ ông Phạm Văn L1)

Địa chỉ: Thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

3. UBND xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ, Chủ tịch UBND xã

4. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985 và chị Phạm Thị M, sinh năm 1991, cùng trú tại thôn Đ C, xã N C, huyện T H, tỉnh Thái Bình (anh H là con rể, chị M là con gái ông Phạm Xuân Th).

Người kháng cáo: Ông Phạm Xuân L2 và ông Phạm Xuân Th

(Tại phiên tòa vắng mặt đại diện UBND xã N H, ông Phạm Xuân L2, chị M, có mặt các đương sự khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* **Các nguyên đơn trình bày:** Bố, mẹ của các nguyên đơn là cụ ông Phạm Văn H (chết ngày 07/10/2000), cụ bà Trần Thị Th1 (chết ngày 28/01/2018). Cụ H và cụ Th1 sinh được 06 người con là các ông Phạm Văn L1, ông Phạm Văn Th2,

liệt sỹ hy sinh tháng 02 năm 1970 (ông Th2 có vợ là bà Trần Thị Th, sinh năm 1948, trú tại thôn N L N, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình, không có con); ông Phạm Văn L, ông Phạm Hải Nh, Phạm Xuân L2, ông Phạm Xuân Th. Ngoài ra, cụ H, cụ Th1 không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố, mẹ của cụ H và cụ Th1 chết trước khi cụ H và cụ Th1 chết.

Cụ H và cụ Th1 chết không để lại di chúc, để lại di sản gồm: Thửa đất số 622, tờ bản đồ số 2, Bản đồ 299, diện tích 560m^2 , loại đất T; thửa đất số 617, tờ bản đồ số 2, Bản đồ 299, diện tích 484m^2 , loại đất A. Theo sổ mục kê 299, mang tên Ph H có 1610m^2 , gồm 560m^2 đất T, 484m^2 đất A và 576m^2 đất LM + 2L. Theo bản đồ 1990 các thửa đất trên hợp thành số thửa 3914, tờ bản đồ số 02, diện tích 780m^2 , loại đất T; theo sổ mục kê năm 1990, số thửa 3914, tờ bản đồ số 02, diện tích 780m^2 , loại đất T mang tên Th, có địa chỉ tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình. Theo bản đồ 1990 số thửa 3913, tờ bản đồ số 02, diện tích 120m^2 , loại đất A; theo sổ mục kê năm 1990, số thửa 3913, tờ bản đồ số 02, diện tích 120m^2 , loại đất A mang tên L1 có nguồn gốc là một phần lấp ao của thửa đất số 617, tờ bản đồ số 2, Bản đồ 299, diện tích 484m^2 , loại đất A do ông Phạm Văn L1 đang sử dụng tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình. Di sản còn có 01 ngôi nhà gỗ lim 05 gian; ngôi nhà gỗ lim và đất tại số thửa 3914, tờ bản đồ số 02, diện tích 780m^2 , loại đất T do ông Phạm Xuân Th đang sử dụng.

Do có nhu cầu xây dựng từ đường gia đình và nơi thờ cúng Liệt sỹ, các nguyên đơn đã yêu cầu chia đất từ khi bố mẹ còn sống, tuy nhiên ông Phạm Xuân Th không đồng ý, nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc chia thừa kế của cụ H và cụ Th1 bao gồm các di sản thừa kế nêu trên. Di sản thừa kế còn có 940m^2 đất nông nghiệp của cụ H và cụ Th1 hiện do ông Phạm Hải Như đang canh tác, các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các di sản thừa kế trên đều có địa chỉ tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

Tại kết quả đo đạc 04/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T H, tổng diện tích thửa đất đang tranh chấp do ông Phạm Xuân Th đang sử dụng là $818,1\text{m}^2$. Phần diện tích đất ao ông L1 đang quản lý đã xây dựng quán bán hàng, nhập chung vào đất ông L1, không xác định được tứ cận cụ thể.

* *Bị đơn ông Phạm Xuân Th trình bày:* Ông Th xác nhận về quan hệ huyết thống như các nguyên đơn trình bày, Bố mẹ ông ở cùng gia đình ông để ông trông nom chăm sóc các cụ lúc tuổi già, bà Trần Thị Th không có quyền khởi kiện vì bà Th lấy chồng là ông Th2 không có con cái, khi ông Th2 hy sinh bà đã về quê, không chăm sóc bố mẹ chồng đến lúc chết nên không có quyền khởi kiện chia thừa kế. Theo bản đồ 299, các cụ có 04 thửa đất 3912 diện tích 529m^2 ; thửa 5518 diện tích 616m^2 ; thửa 5522 diện tích 820m^2 ; thửa 3914 diện tích 780m^2 và một cái ao

thuộc thửa 3913. Năm 1990, khi đo đạc bản đồ 241 bố mẹ ông thống nhất với xóm trưởng và cán bộ địa chính xã sang tên cho 03 người con là ông L1, con trai trưởng được chia gồm 02 thửa đất 3912 diện tích 529m² và thửa 5518 đất màu diện tích 616m² trên đất có 5 gian nhà ngói của các cụ; ông Nh được chia thửa 5522 diện tích 820m² có 4 gian nhà ngói của các cụ; ông được chia thửa 3914 diện tích 780m² có 5 gian nhà ngói của các cụ. Tất cả 03 anh em đều đã được đứng tên trong sổ địa chính và trên bản đồ đăng ký sử dụng đất. Sau khi con trai ông chết, ông chỉ còn có con gái nên năm 1995, các anh ông đã tranh chấp với ông khi đó bố mẹ ông còn sống đã được UBND xã là ông Phạm Thế Đ, lúc đó là Phó Chủ tịch kiêm Trưởng công an xã, ông Bùi Hoàng Th, ông Phạm Thế H Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn, ông Phạm Hồng X, ông Tạ Văn Đ cán bộ địa chính xã hòa giải nhiều lần và Chánh án T H lúc đó là ông Lê Thanh T cũng đã hòa giải, bố ông khẳng định đất đã cho vợ chồng ông nên bố ông không chấp nhận. Theo Quyết định số 652 ngày 17/11/1993 và Quyết định 948 ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình, thửa đất gia đình ông sử dụng có diện tích 780m² được tính 400m² đất thổ cư, còn lại 380m² chuyển đổi đất vườn thành đất ruộng cơ bản chia theo nhân khẩu gia đình ông sử dụng ổn định và làm nghĩa vụ với nhà nước. Nếu bố mẹ ông có ý cho các anh ông 1 suất trong phần thổ của ông đang sở hữu thì bố ông đã cho mấy chục năm rồi, khi bố mẹ ông còn mạnh khỏe, minh mẫn. Nay bố mẹ ông chết, các anh ông khởi kiện chia di sản thừa kế, ông bác bỏ yêu cầu này vì đất này bố mẹ ông đã cho vợ chồng ông nên khi tranh chấp đất đai năm 1995 đã được giải quyết khi bố mẹ ông còn sống nên diện tích đất ông đang sử dụng không phải là di sản để chia thừa kế. Ông đề nghị Tòa án căn cứ Điều 97, 99 Bộ luật tố tụng dân sự xác minh thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã N H, lấy lời khai các cá nhân đã từng tham gia giải quyết tranh chấp vì họ là nhân chứng về việc bố mẹ ông cho vợ chồng ông mảnh đất này để xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T đồng ý với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H trình bày vợ chồng anh có xây dựng xưởng bán hàng trên đất ông Th quản lý, sử dụng, về phần tài sản của vợ chồng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị M, bà V không có ý kiến trình bày.

Ngày 10/12/2021, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th cung cấp cho Tòa án một số biên bản xác minh điều vào ngày 08/12/2021, nội dung cụ thể:

Ông Phạm Ngọc Kh và ông Phạm Văn Th đều trú tại thôn Ph L, xã N H, đều là người cùng dòng họ với cụ H có ý kiến cụ H đã cho đất cả 5 người con và

đã có tên trong sổ địa chính 1990 và sử dụng ổn định đến nay nên không có gì mà tranh chấp.

Ông Tạ Văn Đ, thôn Tam Bảo, xã N H nguyên cán bộ địa chính xã N H từ 1999 đến 2021 có ý kiến theo hồ sơ đất đai xã N H quản lý ông Th đã có tên trong sổ mục kê và bản đồ 1990.

Ông Phạm Thế Đ, thôn Ph L, xã N H, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã N H từ 1990 đến 2001 cho biết Nghị định 300/CP thay cho bản đồ 299, cụ H đã chia đất cho các con như hiện nay, ông Th đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước. Năm 1995 đã xảy ra tranh chấp đòi chia thừa kế của cụ, địa phương hòa giải không thành đã lập hồ sơ chuyển Tòa án nhân dân huyện, khi đó Thẩm phán, Chánh án Lê Thanh T và 01 thẩm phán về địa phương xác minh, giải quyết, khi đó cụ H, cụ Th1 còn sống, cụ H bác bỏ không công nhận nên Tòa T H đã bác không công nhận. Sau khi cụ H mất, ông C làm chủ tịch lại xảy ra vụ kiện giữa ông L, ông Th, xã đã giải quyết êm thấm không thấy tranh chấp nữa. Đây là lần tranh chấp thứ 3, quan điểm của ông Đ là các cụ đã cho đất ông Th như thế nào nhưng ông Th đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, mặt khác đã được Tòa T H giải quyết từ năm 1995. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết.

Ông Phạm Xuân C, thôn Ph L, xã N H ý kiến, cụ H là bác ruột ông, cụ H giàu có nhất làng, đã xây dựng cho các con mỗi người một nhà, ông L1 con cả nhà ngói 5 gian cổ giá trị nhất, ông Th ở với cụ H. Cụ H có một con riêng tên là L3 ở Lào Cai, cụ đã mua cho ông L3 8m mặt đường gần nhà ông Th, sau đó con ông L3 bán lại cho ông Th4, vì ông L3 bị ung thư, các con ông L3 không về quê. Tranh chấp nhiều lần xã phải giải quyết. Những năm 1980, ông L có mượn ít đất làm quán sửa xe, khi làm xóm trưởng ông L trả lại không làm nữa nên ông Th dỡ đi. Trước đây có cái ao trước cửa sát đường, sau có 2 cháu chết đuối nên lấp đi, ông Th, ông L1 mỗi người một nửa ao. Trước khi chết cụ H đã thanh lý các tài sản, ông Th chỉ còn xác nhà đã xuống cấp nên ông Th dỡ đi làm lại. Khi làm bản đồ 300 và sổ mục kê cụ H đã tách hết cho các con từ 1990 đến nay. Quan điểm của ông C là không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Phạm Thế H, thôn Ph L, xã N H ý kiến năm 1995 ông làm bí thư chi bộ kiêm trưởng xóm 6 xã N H đã nhiều lần tham gia hòa giải giữa ông L và ông Th. Trong thời gian tranh chấp, chính cụ H nhiều lần gặp gỡ, cho người con nào nữa, vì cụ nói đã chia đôi thổ ở mặt đường con trưởng một nửa, con út một nửa, còn phía sau cụ cho con thứ từ năm 1990 và đã đứng tên trong bản đồ 1990. Phần ông L1 con trưởng nhiều hơn phần ông Th, sau nhà ông L1 là phần đất màu rất rộng. Ông Th đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước. Tranh chấp giữa các bên đã xảy ra hơn 20 năm, được bố mẹ, họ hàng, làng xóm và các cấp nhà nước hòa giải

nhưng không nghe chỉ vì ông Th không có con trai. Nếu cụ H có ý chia đất thổ ông Th cho người con nào khác thì đã chia từ năm 1995, 1996, 1997 vì khi đó cụ còn minh mẫn và khỏe mạnh. Bây giờ các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là không đúng vì tài sản và đất cụ đã chia cho các con từ năm 1990, 5 con 5 thổ, năm nhà ngói.

Ngày 10/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của của ông L là ông Trương Văn M cung cấp cho Tòa án 03 đơn đề nghị điều vào ngày 09/12/2021, nội dung cụ thể:

Ông Phạm Ngọc Kh, ông Phạm Văn Th đề nghị rút lại toàn bộ nội dung đã cung cấp cho luật sư là người bào chữa cho ông Th vào ngày 08/12/2021, đề nghị Tòa án và các vị luật sư không coi lời nói của ông là bằng chứng để xem xét giải quyết. Ông Phạm Xuân C đính chính nội dung ông cung cấp cho luật sư là người bào chữa cho ông Th vào ngày 08/12/2021 như sau: Bác ông sinh được 6 người con trai, có 01 là liệt sỹ, các anh đều có vợ con ở riêng, mỗi nhà một thổ; có 02 thổ của bác là người con trai trưởng, con trai út ở, có nhà trên đất, nay cả hai nhà đã dột nát, các anh đã sửa lại và làm nhà cấp bốn. Thửa đất ông Phạm Xuân Th ở sát đường 221B, phía đông thổ, ông L có làm lán sửa chữa xe đạp, xây gạch xung quanh lợp rạ, khi làm xóm trưởng ông L không sửa xe nữa, ông Th tự động dỡ bỏ và xây quanh thổ lại cho gọn. Sau đó ông L lên xin bác ông mảnh đất trên để tiếp tục hành nghề, bác ông đồng ý và anh em các bác đã mang giấy để đo cắm mốc thì ông Phạm Văn Th không nhất trí và đã uống thuốc để tự tử do vậy mọi người sợ hãi và dừng lại. Từ đó đến nay ông L vẫn đòi số đất trên, chính quyền xã hòa giải nhiều lần không thành. Ông C cam đoan mọi việc ông nêu trên đây là những gì ông biết, là đúng sự thật, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, những thông tin trước đây trái với đính chính này xin bãi bỏ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 12/4/2022, các ông Phạm Thế Hg, Phạm Thế Đình, trú tại thôn Ph L, xã N H có ý kiến:

Các ông xác định thửa đất ông Th, ông L đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ H (là bố đẻ hai ông). Khi các ông còn làm việc tại xã và cơ sở thôn đã xảy ra tranh chấp. Năm 1995 tranh chấp xã không giải quyết được đã chuyển hồ sơ cho Tòa án giải quyết, kết quả thế nào các ông không rõ. Quan điểm của hai ông là đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã N H, huyện T H thể hiện:

Cụ Phạm Văn H (chết năm 2000) và cụ Trần Thị Th1 (chết năm 2008). Cụ H và cụ Th1 sinh được 06 người con là các ông Phạm Văn L1 (Phạm Bá L1); Liệt sỹ Phạm Văn Th2, ông Phạm Văn L, ông Phạm Hải Nh, Phạm Xuân L2 và ông Phạm Xuân Th.

Cụ H và cụ Th1 có để lại khối di sản gồm: theo Bản đồ 299, tờ bản đồ số 2, Thửa đất số 622, diện tích 560m², loại đất T, chủ sở hữu Phạm H (thôn Ph L, xã N H); số thửa 617, diện tích 484m², loại đất A, chủ sở hữu Phạm H (thôn Ph L, xã N H), tổng diện tích là 1044m². Theo bản đồ năm 1990, số thửa 3914, tờ bản đồ số 02, diện tích 780m², loại đất T mang tên Th.

Về nguyên nhân thay đổi, tên chủ sử dụng từ bản đồ 299 và bản đồ 1990 (từ Phạm H, sang Th) do thời gian đã lâu, UBND xã không còn tài liệu nào lưu giữ về việc chuyển tên chủ sử dụng trên. UBND xã không xác định được nguyên nhân đổi tên chủ sử dụng.

Về việc biến động diện tích theo bản đồ 299 là 1044m² sang bản đồ 1990 còn 780m² nguyên nhân do biến động đất đai qua các thời kỳ và biến động một phần diện tích sang đất nhà ông Phạm Văn L1 (theo bản đồ 299, ông L1 có số thửa 614, diện tích 574m² (T); sang bản đồ 1990 ông L1 có 02 thửa, 3912, diện tích 529m² (T) và thửa 3913 diện tích 120m² (A). Việc thay đổi diện tích đất thổ từ 560m² theo bản đồ 299 đến 780m² theo bản đồ 1990 nguyên nhân là do lấp một phần ao thành đất vườn của thửa 617. Về tài liệu liên quan đến việc biến động diện tích đất, loại đất thì UBND xã không còn lưu giữ. UBND xã không lưu giữ hồ sơ liên quan đến việc tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng từ cụ H sang ông Th. Thửa đất đang tranh chấp hiện do ông Th đang quản lý và sử dụng, đóng thuế đất ở cho nhà nước. Quan điểm của địa phương là giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với ý kiến của ông Phạm Thế Đ, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã thời kỳ 1990-2001 trình bày về việc UBND xã giải quyết tranh chấp giữa ông L, ông Thời từ năm 1995, sau đó chuyển lên TAND huyện, thời kỳ đó ông Phạm X làm địa chính (ông X đã chết), sau đó đến ông Tạ Văn Đ, sau này ông Qu làm địa chính. UBND xã không lưu giữ hồ sơ tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình đã áp dụng các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, Điều 217, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L3 phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm H và Trần Thị Th1 theo quy định của pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm H và Trần Thị Th1 gồm: 02 thửa đất: Thửa 622, diện tích 560m², loại đất (T); Thửa 617, diện tích 484m², loại đất (A), theo số mục kê 299 mang tên P.H. Theo bản đồ 1990 là các thửa 3914, diện

tích 780m² loại đất thổ do ông Phạm Xuân Th quản lý, sử dụng tại thôn Ph L, xã H, huyện T H, tỉnh Thái Bình, có giá trị là 3.618.814.500 đồng và thửa 3913, diện tích 120m² loại đất ao do ông Phạm Văn L1 quản lý, sử dụng tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình, có giá trị là 5.040.000 đồng. Tổng cộng di sản thừa kế có giá trị là 3.623.854.500 đồng (ba tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

3. Trích trong khối di sản thừa kế của cụ Phạm H và Trần Thị Th1 cho vợ chồng ông Phạm Xuân Th, bà Phạm Thị T số tiền 603.436.500 đồng tiền công sức tôn tạo, cải tạo đất, giữ gìn di sản thừa kế. Số tiền này là phần giá trị của 66,7m² đất ở + 69,7m² đất trồng cây lâu năm, giao cho ông Th quản lý.

4. Trích trong khối di sản thừa kế của cụ Phạm H và Trần Thị Th1 cho vợ chồng ông Phạm Văn L1, bà Bùi Thị V số tiền 840.000 đồng tiền công sức tôn tạo, cải tạo đất, giữ gìn di sản thừa kế. Số tiền này là phần giá trị của 20m² đất ao, giao cho ông L1 quản lý.

5. Chia thừa kế của cụ Phạm H và Trần Thị Th1 cho những người được hưởng thừa kế như sau:

- Chia cho ông Phạm Văn L1 toàn bộ diện tích đất ao 120m² tại thửa đất số 3913, tờ bản đồ số 2, bản đồ 1990 mang tên L1 tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình, có tứ cận phía nam giáp đường giao thông, phía tây và phía bắc giáp đất ông L1, phía đông giáp đất ông L (có sơ đồ kèm theo (vị trí 1)).

Chia cho ông L1 số tiền 603.436.500 đồng, đây là phần giá trị của 66,7m² đất ở + 69,7m² đất trồng cây lâu năm được chia di sản thừa kế, số tiền này ông Th phải thanh toán cho ông L1. Đối trừ số tiền ông L1 phải thanh toán cho ông Th giá trị của 20m² đất ao là 840.000 đồng, ông Th còn phải thanh toán cho ông L1 602.596.500 đồng. Ông L1 phải thanh toán cho các ông L, Nh, L2 giá trị của 20m² đất ao là 840.000 đồng.

- Chia cho ông Phạm Văn L 100m² đất, trong đó có 66,7m² đất ở + 33,3m² đất trồng cây lâu năm trong thửa đất số 3914, tờ bản đồ số 2, bản đồ 1990 mang tên Th tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình, có tứ cận phía nam giáp đường giao thông, phía tây giáp ông L1, phía bắc giáp đất ông Th, phía đông giáp đất ông Nh (có sơ đồ kèm theo (vị trí 2)).

Ông Th phải thanh toán cho ông L giá trị của 36,4m² đất trồng cây lâu năm là 1.638.000 đồng. Ông L phải thanh toán cho ông Th giá trị của các công trình của ông Th trên đất được chia theo kết quả định giá. Đối trừ số tiền ông Th thanh toán cho ông L, ông L còn phải thanh toán cho ông Th là 44.514.000 đồng. Ông L được ông L1 thanh toán giá trị của 20m² đất ao là 840.000 đồng.

- Chia cho ông Phạm Hải Nh 100m² đất, trong đó có 66,7m² đất ở + 33,3m² đất trồng cây lâu năm trong thửa đất số 3914, tờ bản đồ số 2, bản đồ 1990 mang tên Th tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình có tứ cận phía nam giáp đường giao thông, phía tây giáp ông L, phía bắc và phải đông giáp đất ông Th (có sơ đồ kèm theo (vị trí 3)).

Ông Th phải thanh toán cho ông Nh giá trị của 36,4m² đất trồng cây lâu năm là 1.638.000 đồng. Ông Nh phải thanh toán cho ông Th giá trị của các công trình của ông Th trên đất được chia theo kết quả định giá là 1.222.500 đồng. Đối trừ số tiền ông Th thanh toán cho ông Nh, ông Nh còn phải thanh toán cho ông Th là 2.055.500 đồng. Ông Nh được ông L1 thanh toán giá trị của 20m² đất ao là 840.000 đồng.

- Chia cho ông Phạm Xuân L2 số tiền 604.276.500 đồng, đây là phần giá trị của 66,7m² đất ở + 69,7m² đất trồng cây lâu năm + 20m² đất ao được chia di sản thừa kế. Số tiền này ông Th, ông L1 phải thanh toán cho ông L2, trong đó ông Th phải thanh toán là 603.436.500 đồng, ông L1 phải thanh toán là 840.000 đồng.

- Chia cho ông Phạm Xuân Th 618,1m² đất, trong đó có 266,6m² đất ở + 351,5m² đất trồng cây lâu năm trong thửa đất số 3914, tờ bản đồ số 2, bản đồ 1990 mang tên Th tại thôn Ph L, xã N H, huyện T H, tỉnh Thái Bình (có tứ cận phía nam giáp đường giao thông, giáp đất ông L, ông Nh; phía tây giáp ông L1, ông Như; phía bắc giáp đất ông L1, ông Như; phía đông giáp đất ông Nguyễn Văn T và ông Nh (có sơ đồ kèm theo (vị trí 4)).

Ông Th phải thanh toán cho ông L2 là 603.436.500 đồng. Ông Th phải thanh toán cho ông L1 là 603.436.500 đồng. Đối trừ số tiền ông L1 phải thanh toán cho ông Th giá trị của 20m² đất ao là 840.000 đồng, ông Th còn phải thanh toán cho ông L1 602.596.500 đồng. Ông Th phải thanh toán cho ông L giá trị của 36,4m² đất trồng cây lâu năm là 1.638.000 đồng, đối trừ số tiền bồi thường các công trình của ông Th trên đất được chia, ông Th được ông L thanh toán số tiền 44.514.000 đồng. Ông Th phải thanh toán cho ông Nh giá trị của 36,4m² đất trồng cây lâu năm là 1.638.000 đồng, đối trừ số tiền bồi thường các công trình của ông Th trên đất được chia, ông Th được ông Nh thanh toán số tiền 2.055.500 đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà gỗ lim 05 gian. Không xem xét giải quyết chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp 940m² do ông Phạm Hải Nh đang quản lý, sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 19/8/2022 ông Phạm Xuân L2 kháng cáo đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Ngày 19/8/2022, ông Phạm Xuân Th kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau: bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cụ thể:

- Người khởi kiện là bà Trần Thị Th không có tư cách nguyên đơn.
- Tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện không có căn cứ để các nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.
- Những người làm chứng đều khẳng định khi lập bản đồ 1990, cụ H đã phân chia đất cho các con như hiện nay và họ đã đứng tên trên bản đồ 1990 cũng như sổ mục kê.
- Theo Quyết định 652/QĐ-UB/1993 và quyết định 948/QĐ-UB/2000 của UBND tỉnh Thái Bình, thửa đất của gia đình ông đang sử dụng có diện tích 780m², trong đó có 380m² đất ao gia đình ông san lấp được chuyển đổi T vào đất ruộng cơ bản chia cho nhân khẩu hộ gia đình ông là 2040m² nên gia đình chỉ được chia 1911m² đất ruộng.
- Bố ông đã định đoạt toàn bộ nhà đất và tài sản cho ông nên họ đã chia ruộng cho bố mẹ ông ở ngoài đồng. Di sản thừa kế không còn.

Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L2, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Cụ H và cụ Th1 đã cho ông Th thửa đất số thửa 3914, diện tích 780m² bản đồ đo đạc 1990 nên di sản thừa kế không còn để phân chia.
- Ngoài ra, có 380m² đất vườn trong thửa 3914 đã được quy đổi trừ vào đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Phạm Xuân Th, bản án sơ thẩm không xác minh, không đưa những người trong hộ gia đình ông Th vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Xuân L2, ông Phạm Xuân Th làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đại diện UBND xã N H có đơn xin vắng mặt, ông L2, chị Mùi vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo bản đồ 299, cụ H và cụ Th1 có các thửa đất sau: Thửa đất số 622, diện tích $560m^2$, loại đất T; số thửa 617, diện tích $484m^2$, loại đất A, chủ sở hữu Phạm H (thôn Ph L, xã N H), tổng diện tích là $1044m^2$. Theo bản đồ năm 1990 và sổ mục kê, số thửa 3914, tờ bản đồ số 02, diện tích $780m^2$, loại đất T mang tên ông Th; thửa 3913, tờ bản đồ số 2, diện tích $120m^2$ loại A mang tên ông L1 có nguồn gốc là một phần lấp ao của thửa 617, bản đồ 299, diện tích $484m^2$.

[2.2] Yêu cầu kháng cáo của ông Th về việc diện tích $380m^2$ đất vườn trong thửa 3914 đã được quy đổi vào đất nông nghiệp của hộ gia đình ông, thấy: Theo địa phương cung cấp thì sổ quy chủ của địa phương quản lý thể hiện, khẩu 652 của hộ ông Phạm Văn Th gồm 04 khẩu (gồm ông Phạm Văn Th, vợ ông Th là bà Phạm Thị T, hai con ông Th là chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị O (tên gọi khác là R), được giao $510m^2 \times 4 \text{ khẩu} = 2.040m^2$. Khẩu 948 của hộ ông Th gồm 04 khẩu 652 cộng thêm 01 khẩu phát sinh (là con ông Th - chị Phạm Thị T1), tổng là 05 khẩu, được giao thêm $60m^2$, tổng được giao là $2.100m^2$. Tổng diện tích nhà ông Th cả trong nhà, cả ngoài đồng là $2.110m^2$, sau khi quy đổi theo tỉ L3 2 đất vườn = 1 đất ruộng (đất vườn trong khuôn viên thổ $380m^2$ quy đổi thành $190m^2$ đất ngoài đồng), thực hiện dồn điền đổi thửa và trừ giao thông thủy lợi mỗi sào $26m^2$, diện tích thực tế hiện nay là $1.910m^2$, thực giao ngoài đồng.

Như vậy, trong số diện tích đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình ông Th, có một phần diện tích đã trừ vào diện tích $380m^2$ đất vườn của thửa 3914, tờ bản đồ số 02, đo đạc năm 1990, bản án sơ thẩm nhận định diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Th đã được giao đủ ngoài đồng, không bị trừ vào đất vườn là không đúng. Vì vậy, bản án sơ thẩm không đưa chị Phạm Thị T1, Phạm Thị O (R) vào tham gia tố tụng là xác định thiếu người tham gia tố tụng.

Mặt khác, bản án sơ thẩm xác định bà Trần Thị Th không phải là nguyên

đơn trong vụ án, tuy nhiên phần quyết định của bản án không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th là thiếu sót.

[3] Xét thấy, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện T H xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên cấp phúc thẩm không xem xét các yêu cầu kháng cáo khác của ông Th cũng như yêu cầu kháng cáo của ông L2.

[4]. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng, án sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Th tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0002469 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Thái Bình. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá của giai đoạn sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/01/2023.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H;

- Các đương sự; NBVQL.

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Hải Yến